

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Trần Ngọc Hòa

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1181/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ M, khu vực N, phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Mạnh D, sinh năm 1966; cư trú tại: M, khu vực N, phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-8-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Bà và ông Đỗ Mạnh D tự nguyện kết hôn vào ngày 07/11/1990 tại UBND phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu một thời gian. Kể từ ngày chung sống vợ chồng sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc khác ông D sống không có trách nhiệm với vợ con, không chịu lo làm ăn lại hay gây chuyện với bà nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi, năm 2013 vợ chồng bà sống ly thân, năm 2017 bà nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân

dân thành phố Quy Nhơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D, sau đó bà đã rút đơn nhưng ông D vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn được vì tình cảm không còn, đời sống chung không có nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Mạnh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên là Đỗ Trương Vân A, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn V, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Mạnh D đã được Toà triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng ông D không đến Toà làm việc, vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng nhưng bị đơn vẫn còn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T được ly hôn ông Đỗ Mạnh D.
- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ M, khu vực N, phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Đỗ Mạnh D vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết và ông Đỗ Mạnh D tự kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1990 tại UBND phường Q, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2012 cho đến nay ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được, vợ chồng sống không có hạnh phúc, sau đó ông bà ly thân cho đến nay là

phù hợp với việc Tòa xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu ly hôn ông D, nhưng ông D không đến Tòa tham gia tố tụng giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy hôn nhân của ông bà có mâu thuẫn và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà T yêu cầu ly hôn ông D là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được qui định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Bà T và ông D có hai con chung tên là Đỗ Trương Vân A, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn V, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành. Bà T không yêu cầu về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị T được ly hôn ông Đỗ Mạnh D.
2. Về con chung: Bà Tuyết và ông D có hai con chung tên là Đỗ Trương Vân A, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn V, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành. Bà T không yêu cầu về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Bà Tuyết đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Mạnh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- UBND phường Q, TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung